

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B01-01	Bùi Thúy An	711	36	9.0
B01-02	Nguyễn Phương Anh	714	40	10.0
B01-03	Trần Phương Anh	711	40	10.0
B01-04	Mai Quỳnh Anh	712	40	10.0
B01-05	Nguyễn Cửu Thị Vân Anh	713	33	8.3
B01-06	Trương Đăng Linh Đăng	712	39	9.8
B01-07	Phan Thị Hương Giang	712	39	9.8
B01-08	Huỳnh Thanh Giàu	711	40	10.0
B01-09	Trần Thanh Hằng	712	40	10.0
B01-10	Nguyễn Thị Thu Hằng	713	40	10.0
B01-11	Dương Thị Mỹ Hào	712	30	7.5
B01-12	Nguyễn Thị Thu Huyền	714	26	6.5
B01-13	Trần Gia Khang	711	40	10.0
B01-14	Nguyễn Quốc Khang	712	34	8.5
B01-15	Ngô Trần Anh Khoa	712	39	9.8
B01-16	Lê Trần Tuấn Kiệt	713	34	8.5
B01-17	Trần Minh Mai	711	39	9.8
B01-18	Nguyễn Thị Ngọc Mai	712	35	8.8
B01-19	Phạm Ngọc Kim Ngân	714	40	10.0
B01-20	Nguyễn Hồng Khánh Ngân	711	40	10.0
B01-21	Trần Nguyễn Bảo Ngân	712	38	9.5
B01-22	Phan Thị Nhân	714	25	6.3
B01-23	Lê Ngọc Yến Nhi	714	37	9.3
B01-24	Vũ Lê Yên Nhi	711	39	9.8
B01-25	Nguyễn Thanh Thảo	712	33	8.3
B01-26	Nguyễn Thị Thanh Thảo	711	36	9.0
B01-27	Bach Sỹ Thanh Thịnh	714	40	10.0
B01-28	Trần Uyên Thư	711	37	9.3
B01-29	Nguyễn Vũ Hà Tiên	713	30	7.5
B01-30	Hồ Ngọc Bảo Trâm	712	31	7.8
B01-31	Nguyễn Minh Trí	712	37	9.3
B01-32	Đỗ Mai Xuân Trường	714	39	9.8
B01-33	Thái Thị Cẩm Tú	714	30	7.5
B01-34	Lại Huyền Phương Uyên	714	40	10.0
B01-35	Dương Thị Tú Uyên	711	40	10.0
B01-36	Diệp Thanh Ý	711	38	9.5
B01-37	Nguyễn Huỳnh Như An	715	26	6.5
B01-38	Trần Võ Thanh Nga	715	20	5.0
B01-39	Nguyễn Tuấn Mạnh	715	40	10.0
B01-40	Lê Thanh Hiền	712	28	7.0
B01-41				
B01-42				
B01-43				
B01-44				
B01-45				
B01-46				
B01-47				
B01-48				
B01-49				
B01-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B02-01	Huỳnh Trần Minh An	712	39	9.8
B02-02	Lương Lý Ý An	713	40	10.0
B02-03	Đỗ Thiên Ân	711	40	10.0
B02-04	Đỗ Vũ Văn Anh	714	21	5.3
B02-05	Trần Thị Văn Anh	711	31	7.8
B02-06	Trần Nguyễn Khánh Bằng	713	38	9.5
B02-07	Nguyễn Thành Công	713	38	9.5
B02-08	Trần Thành Danh	714	40	10.0
B02-09	Lông Mỹ Hạnh	714	40	10.0
B02-10	Hà Lan Hương	714	40	10.0
B02-11	Võ Anh Khoa	714	40	10.0
B02-12	Lý Anh Khoa	711	33	8.3
B02-13	Lê Ngọc Khánh Linh	712	38	9.5
B02-14	Chí Quang Tuệ Linh	713	31	7.8
B02-15	Phan Thị Thùy Linh	714	39	9.8
B02-16	Nguyễn Kim Ngân	713	37	9.3
B02-17	Trần Trung Nghĩa	712	39	9.8
B02-18	Võ Minh Nguyên	714	36	9.0
B02-19	Tạ Đông Nhi	712	40	10.0
B02-20	Cao Bảo Phúc	712	40	10.0
B02-21	Lê Hoàng Phước	711	40	10.0
B02-22	Hà Lan Phương	713	40	10.0
B02-23	Nguyễn Thảo Quyên	713	37	9.3
B02-24	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	714	35	8.8
B02-25	Trần Thị Tâm	712	39	9.8
B02-26	Nguyễn Văn Trí Thiện	712	39	9.8
B02-27	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	712	39	9.8
B02-28	Nguyễn Ngọc Minh Thư	713	38	9.5
B02-29	Lê Ngọc Minh Thư	714	39	9.8
B02-30	Huỳnh Đàm Thuý	714	38	9.5
B02-31	Nguyễn Thị Huyền Trang	713	40	10.0
B02-32	Vũ Tường Vân	714	34	8.5
B02-33	Mạch Đắc Vĩ	711	40	10.0
B02-34	Ngô Huỳnh Yến Vy	713	39	9.8
B02-35	Ngô Thị Thuý Vy	714	30	7.5
B02-36	Đặng Viên Nhật Vy	711	25	6.3
B02-37	Văn Hoàng Như Ý	712	40	10.0
B02-38	Võ Ngọc Hoàng Yến	711	21	5.3
B02-39	Trần Dương Hải Hạ	715	34	8.5
B02-40	Tô Vĩnh Phát	715	20	5.0
B02-41	Nguyễn Đăng Anh Thư	715	23	5.8
B02-42				
B02-43				
B02-44				
B02-45				
B02-46				
B02-47				
B02-48				
B02-49				
B02-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B03-01	Trần Hồng Ân	712	35	8.8
B03-02	Nguyễn Ngọc Hải Anh	712	37	9.3
B03-03	Nguyễn Phương Anh	713	40	10.0
B03-04	Đinh Thị Lan Anh	714	39	9.8
B03-05	Nguyễn Thị Lan Anh	711	36	9.0
B03-06	Trương Quỳnh Anh	712	40	10.0
B03-07	Võ Tuấn Anh	713	38	9.5
B03-08	Nguyễn Thế Ba	712	39	9.8
B03-09	Nguyễn Khoa Bảo	711	38	9.5
B03-10	Đường Y Bình	714	39	9.8
B03-11	Phan Tấn Chiến			
B03-12	Tôn Quốc Đại	711	39	9.8
B03-13	Trương Hải Đăng	713	36	9.0
B03-14	Huỳnh Thị Xuân Diệu	712	39	9.8
B03-15	Nguyễn Trọng Dương	714	29	7.3
B03-16	Nguyễn Lê Hà	712	35	8.8
B03-17	Phan Thị Thanh Hiền	711	40	10.0
B03-18	Lê Mạnh Hùng	713	40	10.0
B03-19	Phan Hoàng Huy	714	35	8.8
B03-20	Trần Phúc Khang	713	39	9.8
B03-21	Trần Đăng Khoa	713	39	9.8
B03-22	Trần Nguyên Khôi	714	40	10.0
B03-23	Nguyễn Thị Thanh Kiều	714	40	10.0
B03-24	Trần Thị Mỹ Lanh	714	35	8.8
B03-25	Vũ Đoàn Thảo Ly	713	40	10.0
B03-26	Đinh Viết Quang Minh	713	40	10.0
B03-27	Bùi Thị Kim Ngân	714	40	10.0
B03-28	Trần Trịnh Bảo Ngọc	712	37	9.3
B03-29	Bùi Thị Bảo Ngọc	711	39	9.8
B03-30	Nguyễn Thị Anh Ngọc	714	39	9.8
B03-31	Nguyễn Khánh Nhi	713	39	9.8
B03-32	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	712	38	9.5
B03-33	Võ Thị Hồng Nhung	712	37	9.3
B03-34	Nguyễn Thiên Phúc	713	39	9.8
B03-35	Thái Kim Phụng	714	40	10.0
B03-36	Nguyễn Minh Quân	711	37	9.3
B03-37	Tô Minh Quý	711	40	10.0
B03-38	Bùi Ngọc Tâm	713	40	10.0
B03-39	Nguyễn Huỳnh Quang Thắng	711	30	7.5
B03-40	Phạm Trần Minh Thư	711	40	10.0
B03-41	Huỳnh Phương Thùy	714	40	10.0
B03-42	Nguyễn Phạm Đình Thuyết	714	38	9.5
B03-43	Nguyễn Minh Tiến	714	34	8.5
B03-44	Nguyễn Hùng Tiến	711	31	7.8
B03-45	Văn Thùy Trâm	713	38	9.5
B03-46	Dương Nguyễn Diệu Trâm	715	39	9.8
B03-47				
B03-48				
B03-49				
B03-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B04-01	Lê Cảnh Tuy Anh	714	36	9.0
B04-02	Nguyễn Chánh Tường Anh	711	39	9.8
B04-03	Lê Tú Anh	712	33	8.3
B04-04	Hồ Gia Bảo	712	37	9.3
B04-05	Phan Trần Thực Chi	711	40	10.0
B04-06	Võ Lê Hải Đăng	714	38	9.5
B04-07	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	714	40	10.0
B04-08	Phạm Phi Dũng	712	40	10.0
B04-09	Trần Quốc Hải	714	34	8.5
B04-10	Nguyễn Quốc Hào	714	33	8.3
B04-11	Lê Minh Hiếu	714	33	8.3
B04-12	Lê Quốc Hưng	713	35	8.8
B04-13	Trần Thanh Hương	711	39	9.8
B04-14	Dương Minh Huy	711	40	10.0
B04-15	Kim Tấn Khang	714	39	9.8
B04-16	Nguyễn Lê Thập Khang	711	33	8.3
B04-17	Phạm Cao Khiêm	714	27	6.8
B04-18	Nguyễn Vương Đăng Khoa	711	24	6.0
B04-19	Nguyễn Đăng Khoa	713	39	9.8
B04-20	Bùi Võ Minh Khôi	711	36	9.0
B04-21	Trương Hoàng Lam	711	31	7.8
B04-22	Phạm Thị Ngọc Lan	713	39	9.8
B04-23	Phạm Văn Linh	711	40	10.0
B04-24	Thái Thị Linh	712	39	9.8
B04-25	Phạm Thị Hồng Mai	713	36	9.0
B04-26	Hồ Văn Mạnh	711	40	10.0
B04-27	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	713	38	9.5
B04-28	Võ Thị Thu Nguyệt	711	40	10.0
B04-29	Trương Thị Hồng Nhi	714	36	9.0
B04-30	Đỗ Yến Nhi	711	33	8.3
B04-31	Ngô Vũ Thành Phát	713	40	10.0
B04-32	Trần Gia Phát	714	39	9.8
B04-33	Lê Huỳnh Minh Phú	714	40	10.0
B04-34	Lê Ngọc Phúc	714	40	10.0
B04-35	Nguyễn Thị Linh Phương	714	40	10.0
B04-36	Phạm Thanh Thảo	714	40	10.0
B04-37	Phan Yến Thảo	713	35	8.8
B04-38	Lâm Ngọc Anh Thư	712	37	9.3
B04-39	Vũ Duy Thức	712	23	5.8
B04-40	Vũ Nguyễn Diễm Thùy	711	36	9.0
B04-41	Nguyễn Thị Huyền Trân	712	28	7.0
B04-42	Nguyễn Minh Trí	713	37	9.3
B04-43	Bùi Vũ Minh Trật	713	38	9.5
B04-44	Trần Ngọc Phương Uyên	712	38	9.5
B04-45	Nguyễn Quốc Vinh	711	40	10.0
B04-46	Trần Duy Vương	712	38	9.5
B04-47	Hồ Ngọc Phương Vy	712	39	9.8
B04-48				
B04-49				
B04-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B05-01	Đinh Vĩ Ân	713	38	9.5
B05-02	Lê Ngọc Thi Ân	714	40	10.0
B05-03	Nguyễn Bảo Trâm Anh	713	29	7.3
B05-04	Lê Thị Hoàng Anh	714	37	9.3
B05-05	Nguyễn Phi Quốc Bảo	713	32	8.0
B05-06	Nguyễn Sinh Cầu	714	24	6.0
B05-07	Tô Anh Đức	713	39	9.8
B05-08	Nguyễn Thùy Dương	711	40	10.0
B05-09	Trương Đoàn Lê Duy	713	39	9.8
B05-10	Vũ Thị Thu Duyên	712	39	9.8
B05-11	Hồ Hoàng Giang	713	30	7.5
B05-12	Lê Thị Ngọc Hân	713	40	10.0
B05-13	Võ Quang Hiếu	713	34	8.5
B05-14	Nguyễn Thái Hoà	713	37	9.3
B05-15	Nguyễn Thị Xuân Hương	712	36	9.0
B05-16	Nguyễn Gia Huy	712	40	10.0
B05-17	Trần Gia Huy	713	27	6.8
B05-18	Nguyễn Hoàng Khang	712	40	10.0
B05-19	Nguyễn An Khang	713	31	7.8
B05-20	Lương Hoàng Nguyên Khang	714	28	7.0
B05-21	Cao Kim Khánh	712	35	8.8
B05-22	Nguyễn Gia Khánh	714	36	9.0
B05-23	Nguyễn Đăng Khánh	712	33	8.3
B05-24	Nguyễn Đăng Khôi	712	38	9.5
B05-25	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	713	29	7.3
B05-26	Phương Hoàng Minh Khôi	714	28	7.0
B05-27	Trần Nguyễn Trung Kiên	712	31	7.8
B05-28	Lê Trịnh Bích Liên	711	39	9.8
B05-29	Phạm Cao Minh Long	713	38	9.5
B05-30	Nguyễn Lê Ngọc Ly	714	36	9.0
B05-31	Nguyễn Hải Minh	714	35	8.8
B05-32	Vũ Hoài Nam	711	40	10.0
B05-33	Lê Võ Vương Nghi	711	40	10.0
B05-34	Lê Như Ngọc	713	37	9.3
B05-35	Trần Lê Phúc Nguyên	712	38	9.5
B05-36	Trần Mai Thanh Nhân	711	33	8.3
B05-37	Phạm Bùi Yến Nhi	712	39	9.8
B05-38	Nguyễn Hoàng Tuyết Nhi	713	33	8.3
B05-39	Ngô Thiều Yến Nhi	714	27	6.8
B05-40	Nguyễn Đoàn Quỳnh Như	713	36	9.0
B05-41	Võ Huỳnh Phước	712	28	7.0
B05-42	Hoàng Văn Thắng	712	38	9.5
B05-43	Hồ Diệp Thảo	712	39	9.8
B05-44	Trần Thanh Thúy	712	40	10.0
B05-45	Nguyễn Đức Trí	714	38	9.5
B05-46	Nguyễn Thị Thu Uyên	713	38	9.5
B05-47	Hà Nguyễn Như Ý	713	32	8.0
B05-48				
B05-49				
B05-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B06-01	Vũ Thị Ngọc Diệp	711	25	6.3
B06-02	Nguyễn Thị Ngọc Dung	713	36	9.0
B06-03	Nguyễn Thành Đạt	712	39	9.8
B06-04	Mai Vũ Nguyên Đức	714	40	10.0
B06-05	Đặng Thanh Hải	711	24	6.0
B06-06	Nguyễn Tấn Hùng	714	20	5.0
B06-07	Nguyễn Thanh Huy	714	39	9.8
B06-08	Trần Đăng Huy	711	24	6.0
B06-09	Vũ Quang Huy	712	39	9.8
B06-10	Lê Đăng Khởi	711	39	9.8
B06-11	Phan Tùng Lâm	712	40	10.0
B06-12	Nguyễn Thị Thủy Linh	713	39	9.8
B06-13	Nguyễn Trần Yến Linh	714	35	8.8
B06-14	Trần Quốc Lĩnh	713	30	7.5
B06-15	Nguyễn Thiên Lộc	712	40	10.0
B06-16	Nguyễn Hải Minh	711	40	10.0
B06-17	Vũ Ngọc Minh	712	40	10.0
B06-18	Lê Thị Kiều My	713	31	7.8
B06-19	Lương Nguyễn Ti Na	714	40	10.0
B06-20	Khổng Nhật Nam	712	40	10.0
B06-21	Nguyễn Thanh Ngân	711	37	9.3
B06-22	Nguyễn Thị Minh Ngọc	712	29	7.3
B06-23	Nguyễn Nhan Như Ngọc	711	25	6.3
B06-24	Nguyễn Lê Phúc Nguyên	711	38	9.5
B06-25	Nguyễn Trọng Phát	711	37	9.3
B06-26	Thái Trường Phong	711	40	10.0
B06-27	Phạm Tân Phú	711	27	6.8
B06-28	Lưu Trọng Tài	711	34	8.5
B06-29	Hồ Minh Thái	714	38	9.5
B06-30	Nguyễn Trường Thanh	712	34	8.5
B06-31	Đỗ Ngọc Thịnh	713	40	10.0
B06-32	Vũ Duy Thống	714	31	7.8
B06-33	Bùi Trần Anh Thư	713	38	9.5
B06-34	Nguyễn Thạch Anh Thư	714	37	9.3
B06-35	Nguyễn Các Thuận	711	38	9.5
B06-36	Ngô Bảo Trang	714	30	7.5
B06-37	Nguyễn Hoàng Tú Trinh	714	38	9.5
B06-38	Nguyễn Thanh Trúc	713	40	10.0
B06-39	Khuất Đăng Trường	711	38	9.5
B06-40	Bùi Quốc Trường	712	25	6.3
B06-41	Dương Quốc Tú	711	31	7.8
B06-42	Nguyễn Anh Tú	712	40	10.0
B06-43	Trần Thái Tuấn	714	39	9.8
B06-44	Diệp Xuân Tuyết	711	40	10.0
B06-45	Trần Lê Yến Vy	713	39	9.8
B06-46	Hứa Lê Kiệt	715	35	8.8
B06-47				
B06-48				
B06-49				
B06-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B07-01	Đỗ Nguyễn Tường An	714	40	10.0
B07-02	Nguyễn Đình Thiên Ân	711	30	7.5
B07-03	Huỳnh Kim Anh	711	40	10.0
B07-04	Dương Ngọc Châu	711	39	9.8
B07-05	Dương Khánh Hà	713	40	10.0
B07-06	Nguyễn Gia Hân	714	40	10.0
B07-07	Thông Thị Minh Hiền	713	38	9.5
B07-08	Tôn Thất Huy	713	40	10.0
B07-09	Đàm Huy Khang	711	34	8.5
B07-10	Nguyễn Anh Khoa	714	40	10.0
B07-11	Nguyễn Lê Minh Khoa	712	24	6.0
B07-12	Nguyễn Khánh Linh	711	40	10.0
B07-13	Nguyễn Phan Hiếu Nghi	712	39	9.8
B07-14	Trần Lê Bảo Ngọc	714	40	10.0
B07-15	Trần Xuân Nhật	713	39	9.8
B07-16	Trần Yến Nhi	711	40	10.0
B07-17	Phan Nguyễn Tuyết Nhi	712	40	10.0
B07-18	Nguyễn Hồ Uyên Nhi	713	39	9.8
B07-19	Trương Quang Nhị	714	40	10.0
B07-20	Ngô Mỹ Ngọc Như	714	40	10.0
B07-21	Dương Lê Nhựt	714	39	9.8
B07-22	Đặng Ngọc Phát	712	35	8.8
B07-23	Lê Quốc Phú	712	40	10.0
B07-24	Huỳnh Nam Phương	711	39	9.8
B07-25	Mai Trần Thiên Phương	712	36	9.0
B07-26	Phạm Lương Cát Phương	714	40	10.0
B07-27	Ngô Bình Minh Quân	712	39	9.8
B07-28	Trần Vĩnh Tài	712	35	8.8
B07-29	Ngô Nguyễn Thiên Thanh	713	40	10.0
B07-30	Phan Lê Tuấn Thành	712	40	10.0
B07-31	Lê Thị Thu Thảo	711	38	9.5
B07-32	Đoàn Quang Thịnh	712	34	8.5
B07-33	Hồ Ngọc Anh Thư	711	36	9.0
B07-34	Vũ Minh Thư	712	39	9.8
B07-35	Nguyễn Thị Thanh Thư	713	38	9.5
B07-36	Huỳnh Gia Toàn	713	38	9.5
B07-37	Huỳnh Ngọc Trân	713	37	9.3
B07-38	Khuê Lê Thực Trinh	711	33	8.3
B07-39	Nguyễn Minh Trinh	712	37	9.3
B07-40	Đặng Nguyễn Thanh Trúc	714	40	10.0
B07-41	Đoàn Thị Tường Vy	714	40	10.0
B07-42	Bùi Tường Vy	711	40	10.0
B07-43	Tăng Mạch Thanh Xuân	713	39	9.8
B07-44	Hà Khánh An	715	39	9.8
B07-45	Nguyễn Gia Thiện	715	26	6.5
B07-46				
B07-47				
B07-48				
B07-49				
B07-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B08-01	Đoàn Bình Phúc Ân	712	40	10.0
B08-02	Phạm Ngọc Lan Anh	712	36	9.0
B08-03	Nguyễn Phan Kỳ Anh	713	39	9.8
B08-04	Nguyễn Thị Khánh Băng	714	40	10.0
B08-05	Nguyễn Gia Bảo	714	35	8.8
B08-06	Hoàng Thiên Bảo	711	37	9.3
B08-07	Nguyễn Anh Bình	711	35	8.8
B08-08	Trương Phương Bình	712	38	9.5
B08-09	Thái Thành Danh	711	28	7.0
B08-10	Lê Ngọc Khang Duy	714	34	8.5
B08-11	Lê Đức Duy	711	39	9.8
B08-12	Vũ Tiến Đạt	713	40	10.0
B08-13	Nguyễn Đức Hiệp	711	37	9.3
B08-14	Phạm Huy Hoàng	713	39	9.8
B08-15	Trương Ngọc Huyền	711	33	8.3
B08-16	Bùi Huy Khang	713	26	6.5
B08-17	Bùi Nguyên Khánh	713	25	6.3
B08-18	Lê Tấn Kiệt	714	39	9.8
B08-19	Nguyễn Tuấn Kiệt	711	35	8.8
B08-20	Nguyễn Thị Thanh Loan	714	38	9.5
B08-21	Nguyễn Hồ Phi Long	714	38	9.5
B08-22	Võ Trương Thảo Ly	711	38	9.5
B08-23	Nguyễn Bình Thảo Ly	712	37	9.3
B08-24	Nguyễn Đặng Trà My	714	31	7.8
B08-25	Trần Thị Kim Ngân	712	39	9.8
B08-26	Nguyễn Dương Hoàng Nghi	713	35	8.8
B08-27	Ngô Huy Nhân	712	24	6.0
B08-28	Nguyễn Thành Nhân	713	33	8.3
B08-29	Nguyễn Minh Nhân	712	29	7.3
B08-30	Vũ Tiến Phát	713	40	10.0
B08-31	Nguyễn Gia Phú	713	39	9.8
B08-32	Trương Minh Quân	713	39	9.8
B08-33	Trần Đình Quang	712	38	9.5
B08-34	Thái Anh Quốc	712	39	9.8
B08-35	Huỳnh Quốc Thành	711	24	6.0
B08-36	Trịnh Phương Thảo	714	39	9.8
B08-37	Huỳnh Minh Thư	714	36	9.0
B08-38	Lê Bảo Tín	714	38	9.5
B08-39	Hồ Võ Thùy Trang	711	40	10.0
B08-40	Nguyễn Minh Trí	711	31	7.8
B08-41	Thủy Lê Thiên Trúc	711	38	9.5
B08-42	Phan Nam Trung	714	38	9.5
B08-43	Võ Ảnh Tuyết	712	40	10.0
B08-44	Đinh Phương Uyên	714	38	9.5
B08-45	Trần Vũ Khánh Vy	712	39	9.8
B08-46	Nguyễn Thị Hải Yến	712	34	8.5
B08-47	Võ Hoàng Ngọc Yến	713	40	10.0
B08-48				
B08-49				
B08-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B09-01	Trần Bảo Anh	714	34	8.5
B09-02	Lê Văn Anh	711	38	9.5
B09-03	Trương Hồng Anh	713	38	9.5
B09-04	Lê Nguyễn Hồng Anh	714	38	9.5
B09-05	Đặng Thanh Bình	713	35	8.8
B09-06	Đinh Việt Duy	712	40	10.0
B09-07	Dương Nguyễn Anh Duy	713	39	9.8
B09-08	Đỗ Cao Đạt	714	37	9.3
B09-09	Nguyễn Võ Phúc Đức	711	32	8.0
B09-10	Trang Gia Hân	711	40	10.0
B09-11	Vũ Huỳnh Ngọc Hân	712	40	10.0
B09-12	Mai Xuân Hiếu	712	38	9.5
B09-13	Phạm Duy Hiếu	711	33	8.3
B09-14	Nguyễn Huy Hoàng	712	40	10.0
B09-15	Nguyễn Duy Hoàng	711	31	7.8
B09-16	Nguyễn Trọng Khánh Hoàng	711	39	9.8
B09-17	Lê Gia Huy	714	39	9.8
B09-18	Lý Gia Huy	711	37	9.3
B09-19	Phạm Quang Khải	713	36	9.0
B09-20	Nguyễn Đức Việt Khoa	714	36	9.0
B09-21	Triệu Đăng Khôi	712	38	9.5
B09-22	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	712	37	9.3
B09-23	Nguyễn Nhật Long	711	34	8.5
B09-24	Đoàn Công Mạnh	712	36	9.0
B09-25	Bùi Hoàng Minh	713	32	8.0
B09-26	Lê Duy Nhật Minh	714	40	10.0
B09-27	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	713	29	7.3
B09-28	Đinh Đức Thảo Nguyên	714	39	9.8
B09-29	Nguyễn Thanh Phong	712	36	9.0
B09-30	Phan Thanh Phúc	711	35	8.8
B09-31	Nguyễn Thiện Phúc	712	39	9.8
B09-32	Võ Thị Như Quỳnh	711	40	10.0
B09-33	Nguyễn Chu Thiện Tâm	714	32	8.0
B09-34	Nguyễn Văn Tấn	712	39	9.8
B09-35	Đỗ Huy Thắng	713	31	7.8
B09-36	Trần Như Thảo	713	31	7.8
B09-37	Lê Thanh Thảo			
B09-38	Huỳnh Trần Quốc Thịnh	711	37	9.3
B09-39	Lê Hiền Thông	711	38	9.5
B09-40	Nguyễn Quốc Tịnh	712	39	9.8
B09-41	Huỳnh Minh Trí	712	37	9.3
B09-42	Nguyễn Đức Trung	711	31	7.8
B09-43	Nguyễn Phan Quốc Việt	712	34	8.5
B09-44	Đỗ Quốc Việt	713	37	9.3
B09-45	Nguyễn Quang Vinh	712	40	10.0
B09-46	Trần Quang Vũ	713	37	9.3
B09-47	Trần Mỹ Tường Vy	713	40	10.0
B09-48				
B09-49				
B09-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B10-01	Ngô Phạm Thùy An	711	37	9.3
B10-02	Văn Công Tuấn Anh	712	38	9.5
B10-03	Nguyễn Minh Anh	713	36	9.0
B10-04	Lê Văn Chi Bảo	712	33	8.3
B10-05	Ngô Nguyễn Phương Dung	714	37	9.3
B10-06	Ngô Ngọc Hân	713	38	9.5
B10-07	Nguyễn Thanh Hiền	714	38	9.5
B10-08	Trình Thị Thu Hiền	713	40	10.0
B10-09	Trương Quốc Hùng			
B10-10	Nguyễn Thị Huyền	712	31	7.8
B10-11	Ngô Hoàng Kha	712	39	9.8
B10-12	Đỗ Minh Khánh	711	38	9.5
B10-13	Lê Hoàng Anh Khoa	712	18	4.5
B10-14	Nguyễn Trường Hoàng Long	712	23	5.8
B10-15	Hồ Nhật Minh	711	33	8.3
B10-16	Lê Trần Như Ngọc	713	40	10.0
B10-17	Trần Huỳnh Khánh Ngọc	712	37	9.3
B10-18	Trần Thị Xuân Nhi	714	38	9.5
B10-19	Đỗ Lê Ngọc Như	711	40	10.0
B10-20	Lê Hải Phong	713	40	10.0
B10-21	Hoàng Nga Phương	713	40	10.0
B10-22	Dương Thị Ngọc Phương			
B10-23	Hồ Huỳnh Xuân Phương	714	38	9.5
B10-24	Lưu Quốc Tài	713	39	9.8
B10-25	Đoàn Hữu Trường Thành	714	39	9.8
B10-26	Tăng Hoài Thương	713	37	9.3
B10-27	Trình Thị Thanh Thủy	711	38	9.5
B10-28	Nguyễn Đăng Minh Thy	711	40	10.0
B10-29	Võ Thị Ngọc Thy	712	38	9.5
B10-30	Trần Đỗ Minh Tiến	712	40	10.0
B10-31	Nguyễn Lê Đoan Trang	712	39	9.8
B10-32	Nguyễn Hồ Minh Trí	713	40	10.0
B10-33	Tăng Ngọc Thanh Vân	711	38	9.5
B10-34	Đỗ Thị Yến Vi	713	40	10.0
B10-35	Huỳnh Trần Bảo Việt	714	38	9.5
B10-36	Phạm Lê Vinh	713	35	8.8
B10-37	Bùi Nguyễn Đức Vinh	714	31	7.8
B10-38	Lênh Phúc Vĩnh	712	29	7.3
B10-39	Lê Phước Anh Vũ	714	36	9.0
B10-40	Nguyễn Ngọc Yến	714	38	9.5
B10-41	Nguyễn Minh Tâm			
B10-42	Lê Bảo Anh Toàn	715	30	7.5
B10-43	Đinh Huỳnh Bảo Trân	714	30	7.5
B10-44	Vũ Khánh Duy	714	38	9.5
B10-45	Phạm Thanh Phúc	713	39	9.8
B10-46				
B10-47				
B10-48				
B10-49				
B10-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B11-01	Đỗ Phương Anh	714	40	10.0
B11-02	Đỗ Vũ Minh Anh	711	40	10.0
B11-03	Nguyễn Phương Bình	714	40	10.0
B11-04	Trần Đại Thanh Bình	711	32	8.0
B11-05	Vũ Hoàng An Bình	712	40	10.0
B11-06	Phạm Ngọc Bảo Châu	712	40	10.0
B11-07	Đào Văn Công			
B11-08	Mai Nguyễn Ngọc Diễm	712	39	9.8
B11-09	Phạm Nguyễn Quốc Đạt	711	38	9.5
B11-10	Huỳnh Trọng Đến	712	39	9.8
B11-11	Lê Xuân Hóa	711	35	8.8
B11-12	Nguyễn Phúc Hoàng	712	27	6.8
B11-13	Nguyễn Huy Hoàng	713	39	9.8
B11-14	Phan Gia Huy	712	26	6.5
B11-15	Hồ Gia Huy	713	28	7.0
B11-16	Lương Thị Như Huỳnh	714	40	10.0
B11-17	Trần Quang Khải	714	37	9.3
B11-18	Nguyễn Ngọc Minh	712	40	10.0
B11-19	Dương Cao Minh	713	38	9.5
B11-20	Hoàng Bảo Nghi	714	40	10.0
B11-21	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	713	39	9.8
B11-22	Phạm Khôi Nguyên	712	36	9.0
B11-23	Ân Trường Nhi	711	38	9.5
B11-24	Châu Huệ Nhi	712	39	9.8
B11-25	Vũ Hoàng Yến Nhi	713	33	8.3
B11-26	La Tấn Phát	714	40	10.0
B11-27	Phan Đồng Minh Quân	714	39	9.8
B11-28	Nguyễn Trần Thắng Quang	713	40	10.0
B11-29	Trần Kim Quỳnh	712	40	10.0
B11-30	Nguyễn Thành Tài	714	35	8.8
B11-31	Nguyễn Trung Thắng	714	30	7.5
B11-32	Nguyễn Thông	712	38	9.5
B11-33	Vũ Thụy Minh Thư	711	38	9.5
B11-34	Nguyễn Hoàng Minh Thư	712	35	8.8
B11-35	Nguyễn Phương Thùy	712	33	8.3
B11-36	Trần Lê Bích Trâm	714	31	7.8
B11-37	Khổng Nguyễn Minh Trâm	711	40	10.0
B11-38	Lê Phạm Bảo Trân	711	39	9.8
B11-39	Đỗ Minh Trí	714	39	9.8
B11-40	Trần Anh Tuấn	711	37	9.3
B11-41	Nguyễn Châu Nhật Tường	714	35	8.8
B11-42	Nguyễn Mai Giáng Tuyết	713	30	7.5
B11-43	Vũ Thị Thùy Vân	712	31	7.8
B11-44	Hồ Thị Thúy Vi	714	40	10.0
B11-45	Lương Phong Vũ	711	40	10.0
B11-46	Nguyễn Dương Thiên Ý	714	37	9.3
B11-47				
B11-48				
B11-49				
B11-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B12-01	Trần Khánh An	712	39	9.8
B12-02	Nguyễn Thị Mỹ Anh	711	40	10.0
B12-03	Đặng Quỳnh Anh	712	40	10.0
B12-04	Nguyễn Đăng Dũng	713	38	9.5
B12-05	Dư Nguyễn Hoàng Duy	711	40	10.0
B12-06	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	714	40	10.0
B12-07	Nguyễn Phúc Hậu	714	40	10.0
B12-08	Dương Mỹ Hoà	712	40	10.0
B12-09	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	714	40	10.0
B12-10	Dư Thái Hồng	711	39	9.8
B12-11	Trần Thiện Huy	714	39	9.8
B12-12	Nguyễn Thành Khang	711	40	10.0
B12-13	Phan Quốc Khánh	713	40	10.0
B12-14	Hoàng Lê Đăng Khoa	711	38	9.5
B12-15	Đinh Tấn Kiệt	712	39	9.8
B12-16	Đoàn Thị Cẩm Ly	713	40	10.0
B12-17	Võ Anh Minh	714	39	9.8
B12-18	Quách Kim Mỹ	713	39	9.8
B12-19	Phùng Thị Kim Ngân	714	40	10.0
B12-20	Lê Phan Văn Nghĩa	711	39	9.8
B12-21	Võ Thành Nhân	714	40	10.0
B12-22	Lê Văn Nhân	711	40	10.0
B12-23	Nguyễn Phan Thảo Nhi	714	40	10.0
B12-24	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	711	39	9.8
B12-25	Nguyễn Trần Yến Như	712	40	10.0
B12-26	Nguyễn Hồng Nhung	713	40	10.0
B12-27	Nguyễn Thị Hằng Ny	711	39	9.8
B12-28	Huỳnh Đình Long Phi	714	40	10.0
B12-29	Nguyễn Danh Phú	714	40	10.0
B12-30	Nguyễn Thị Thu Phương	711	32	8.0
B12-31	Nguyễn Khương Tấn Tài	711	40	10.0
B12-32	Bùi Lê Thanh Thảo	712	40	10.0
B12-33	Nguyễn Thị Thanh Thảo	711	39	9.8
B12-34	Cao Hoàng Thông	713	40	10.0
B12-35	Ngô Đặng Anh Thư	713	37	9.3
B12-36	Trần Nguyễn Hào Tín	711	30	7.5
B12-37	Trần Thái Toàn	714	38	9.5
B12-38	Trương Thế Toàn	711	40	10.0
B12-39	Đinh Nguyễn Ngọc Thanh Trang	713	40	10.0
B12-40	Nguyễn Quốc Trung	712	40	10.0
B12-41	Trương Anh Tú	713	40	10.0
B12-42	Lê Thanh Tuấn	712	40	10.0
B12-43	Võ Hoàng Thảo Vy	714	40	10.0
B12-44	Đinh Ngọc Tường Vy	711	40	10.0
B12-45	Trần Ngọc Trường Vy	712	39	9.8
B12-46	Phạm Hoàng Hải Yến	711	40	10.0
B12-47				
B12-48				
B12-49				
B12-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B13-01	Nguyễn Quốc Bảo	713	39	9.8
B13-02	Đỗ Quốc Bảo	714	40	10.0
B13-03	Tô Tấn Đạt	712	40	10.0
B13-04	Bùi Thành Đạt	713	38	9.5
B13-05	Phan Đặng Quốc Đạt	714	40	10.0
B13-06	Trịnh Hương Giang	714	40	10.0
B13-07	Bùi Thị Kim Hằng	714	40	10.0
B13-08	Nguyễn Anh Hào	713	40	10.0
B13-09	Lê Đức Minh Hiếu	714	40	10.0
B13-10	Trần Đào Phương Hồng	712	40	10.0
B13-11	Nguyễn Lê Mỹ Huyền	713	40	10.0
B13-12	Đỗ Thái Gia Hy	711	37	9.3
B13-13	Nguyễn Trần Nguyên Khang	713	39	9.8
B13-14	Nguyễn Lê Nguyên Khánh	711	40	10.0
B13-15	Phạm Nguyễn Anh Khoa	712	34	8.5
B13-16	Bùi Thanh Khôi	713	39	9.8
B13-17	Ngô Hồng Khánh Linh	713	40	10.0
B13-18	Trịnh Thị Cẩm Ly	714	40	10.0
B13-19	Nguyễn Quang Minh	711	37	9.3
B13-20	Phạm Hoàng Minh	712	40	10.0
B13-21	Võ An Thuận My	711	40	10.0
B13-22	Nguyễn Trà My	712	40	10.0
B13-23	Đinh Trần Hoàng Ngân	711	39	9.8
B13-24	Nguyễn Thái Phương Nghi	714	39	9.8
B13-25	Võ Nguyên Kim Ngọc	711	40	10.0
B13-26	Trần Khoa Nguyên	711	37	9.3
B13-27	Đỗ Thị Yến Như	713	40	10.0
B13-28	Nguyễn Hưng Phát	711	35	8.8
B13-29	Nguyễn Hồ Minh Phương	712	40	10.0
B13-30	Đỗ Trung Quân	711	40	10.0
B13-31	Khuất Minh Tấn	713	26	6.5
B13-32	Hồ Trần Quang Thắng	711	40	10.0
B13-33	Huỳnh Uyển Thi	713	39	9.8
B13-34	Lê Phạm Anh Thư	714	39	9.8
B13-35	Hoàng Minh Thư	711	39	9.8
B13-36	Lê Thị Kim Thúy	713	40	10.0
B13-37	Nguyễn Kim Tiến	713	40	10.0
B13-38	Nguyễn Vi Yến Trang	714	40	10.0
B13-39	Dương Tú Trang	711	29	7.3
B13-40	Phan Thái Thanh Trúc	712	40	10.0
B13-41	Nguyễn Thị Thanh Trúc	713	40	10.0
B13-42	Ngô Phương Uyên	711	39	9.8
B13-43	Đỗ Đặng Phương Uyên	712	40	10.0
B13-44	Hoàng Ngọc Vy	713	40	10.0
B13-45	Nguyễn Thị Hoàng Linh	714	38	9.5
B13-46				
B13-47				
B13-48				
B13-49				
B13-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B14-01	Trình Ngọc Phương Anh	713	40	10.0
B14-02	Nguyễn Trần Quốc Bảo	711	40	10.0
B14-03	Phạm Cao Hoàng Gia Bảo	712	29	7.3
B14-04	Sầm Tuấn Bình	713	36	9.0
B14-05	Trần Hoàng Bảo Châu	713	39	9.8
B14-06	Lê Thị Thanh Duyên	713	40	10.0
B14-07	Lâm Thành Duyên	714	40	10.0
B14-08	Nguyễn Thị Thủy Dương	712	40	10.0
B14-09	Phan Ngọc Tâm Đăng	711	39	9.8
B14-10	Nguyễn Đoàn Thúy Hằng	711	37	9.3
B14-11	Huỳnh Đỗ Xuân Hảo	711	36	9.0
B14-12	Trần Thanh Hòa	714	37	9.3
B14-13	Thái Mai Văn Hùng	712	40	10.0
B14-14	Đỗ Đức Huy	711	39	9.8
B14-15	Nguyễn Đức Gia Huy	712	40	10.0
B14-16	Văn Phú Khánh	712	39	9.8
B14-17	Trình Nguyễn Nhứt Khoa	713	38	9.5
B14-18	Trần Ánh Vương Khuê	714	38	9.5
B14-19	Tất Gia Kiệt	713	40	10.0
B14-20	Đỗ Phùng Ngọc Linh	711	31	7.8
B14-21	Trần Thị Thanh Ngân	712	39	9.8
B14-22	Nguyễn Thị Kim Ngân	713	40	10.0
B14-23	Đặng Thị Kim Ngân	714	40	10.0
B14-24	Vũ Trung Nghĩa	714	39	9.8
B14-25	Lê Minh Nguyệt	712	40	10.0
B14-26	Lê Thị Yến Nhã	713	39	9.8
B14-27	Đoàn Gia Nhi			
B14-28	Hồ Ngọc Phương Nhi	712	39	9.8
B14-29	Nguyễn Hoàng Oanh	712	35	8.8
B14-30	Võ Thanh Phát	712	28	7.0
B14-31	Nguyễn Ánh Thành Phát	713	40	10.0
B14-32	Võ Nguyễn Đức Phú	711	40	10.0
B14-33	Trần Văn Quang	714	40	10.0
B14-34	Nguyễn Thị Như Quỳnh	713	30	7.5
B14-35	Lai Phạm Thanh Tâm	711	39	9.8
B14-36	Vòng Ni Thanh	714	40	10.0
B14-37	Hồ Trường Phương Thảo	714	32	8.0
B14-38	Trần Lê Long Thiện	711	32	8.0
B14-39	Trương Vũ Minh Thư	712	40	10.0
B14-40	Lê Ngọc Phương Thùy	713	40	10.0
B14-41	Nguyễn Hữu Trí	711	40	10.0
B14-42	Đỗ Thanh Tùng	713	40	10.0
B14-43	Trần Phạm Minh Uyên	713	37	9.3
B14-44	Trần Lê Quang Vinh	711	40	10.0
B14-45	Hồ Thị Yến Vy	714	39	9.8
B14-46	Nguyễn Nhật Vy	711	40	10.0
B14-47	Trần Thanh An	713	40	10.0
B14-48				
B14-49				
B14-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B15-01	Trần Thảo An	714	40	10.0
B15-02	Đoàn Thị Hồng Ân	713	40	10.0
B15-03	Nguyễn Trâm Anh	714	40	10.0
B15-04	Minh Anh	711	23	5.8
B15-05	Lê Kiều Anh	712	29	7.3
B15-06	Phượng Đại Bảo	713	40	10.0
B15-07	Nguyễn Anh Minh Châu	714	31	7.8
B15-08	Nguyễn Thị Phương Diễm	713	38	9.5
B15-09	Lê Thùy Dung	711	32	8.0
B15-10	Nguyễn Hồng Quỳnh Duyên	711	39	9.8
B15-11	Nguyễn Trương Mộc Hải	712	36	9.0
B15-12	Trịnh Bảo Hân	711	39	9.8
B15-13	Dương Thanh Hằng	712	39	9.8
B15-14	Lê Thị Kim Hằng	713	40	10.0
B15-15	Trần Thị Hiền	712	35	8.8
B15-16	Hoàng Thị Quỳnh Hương	713	38	9.5
B15-17	Trần Hoàng Huy	713	38	9.5
B15-18	Nguyễn Huy Khang	714	39	9.8
B15-19	Nguyễn Bích Khuê	711	40	10.0
B15-20	Lê Nguyễn Ngọc Linh	712	39	9.8
B15-21	Đinh Hồ Khánh Loan	711	38	9.5
B15-22	Đào Thị Diệp Mai	714	37	9.3
B15-23	Nguyễn Hoàng Kim Nga	713	38	9.5
B15-24	Phạm Khánh Nghi	713	40	10.0
B15-25	Lý Chấn Nghiệp	713	32	8.0
B15-26	Phạm Lê Yến Nhi	713	34	8.5
B15-27	Nguyễn Thị Thủy Nhiên	711	39	9.8
B15-28	Lê Thị Quỳnh Như	714	40	10.0
B15-29	Nguyễn Lê Quỳnh Như	711	37	9.3
B15-30	Lê Đoàn Kim Phúc			
B15-31	Nguyễn Yến Phương	713	40	10.0
B15-32	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	714	40	10.0
B15-33	Nguyễn Lê Phương Thanh	714	40	10.0
B15-34	Nguyễn Ngọc Tuyết Thanh	713	39	9.8
B15-35	Nguyễn Thị Minh Thư	713	40	10.0
B15-36	Diệp Nguyễn Anh Thư	714	27	6.8
B15-37	Ngô Bảo Trân	712	40	10.0
B15-38	Trần Quốc Trí	712	40	10.0
B15-39	Phạm Trọng Trí	713	40	10.0
B15-40	Mai Đức Trung	713	40	10.0
B15-41	Nguyễn Xuân Trường Vy	712	40	10.0
B15-42	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	713	40	10.0
B15-43	Lê Khánh Vy	714	40	10.0
B15-44	Vô Khánh Vy	711	38	9.5
B15-45	Vô Ngọc Hạ Vy	712	39	9.8
B15-46	Vòng Vĩnh Xuân	714	38	9.5
B15-47				
B15-48				
B15-49				
B15-50				